

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh HN tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1 - sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Thôn QT, xã TH, huyện TL, tỉnh HN; nơi ở: Xóm 1, thôn N1, xã TH1, huyện TL, tỉnh HN; có mặt,

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T2 - sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn QT, xã TH, huyện TL, tỉnh HN; vắng mặt lần thứ hai không có lý do,

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị D1 - sinh năm 1955; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn QT, xã TH, huyện TL, tỉnh HN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị T1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TL, tỉnh HN ngày 30/10/2000. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống cùng mẹ đẻ của anh T2 tại thôn QT, xã TH. Anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T2 chơi cờ bạc không quan tâm đến vợ con. Sau đó đến năm 2005, anh T2 nghiện ma túy, khiến cuộc sống vợ chồng rạn nứt. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh T2 tránh xa ma túy song anh T2 không nghe mà còn đánh đập, chửi bới chị. Không chịu đựng được, chị đã bế con về nhà mẹ đẻ ở xã TH1, huyện TL, tỉnh HN sinh sống một thời gian nhưng anh T2 xuống xin lỗi và hứa thay đổi nên anh, chị lại quay về chung sống cùng nhau. Mặc dù hứa thay đổi và cai nghiện nhưng anh T2 càng ngày càng lao vào con đường nghiện hút sâu hơn, khiến kinh tế vợ chồng khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến năm 2011 anh T2 đi cai nghiện, chị và con gái về nhà mẹ đẻ ở xã TH1 sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mặc dù đã được Ủy ban nhân dân xã TH tiến hành hoà giải, song anh T2 vắng mặt không có lý do. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau; nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu P1 - sinh ngày 03/4/2001; cháu P1 sống cùng chị từ nhỏ đến bây giờ, được chị chăm sóc chu đáo. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu P1, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Nguyễn Hữu T2 trình bày: Anh và chị Lê Thị T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TL, tỉnh HN ngày 30/10/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2011 anh đi cai nghiện ma túy, thời gian đầu khi anh đi cai nghiện ma túy thì chị T1 vẫn thăm nom, điện thoại quan tâm đến anh. Sau đó, chị T1 nghe theo lời bố mẹ đẻ đi làm ăn xa, không thông báo cho anh biết; từ đó vợ chồng sống ly thân. Năm 2013, anh cai nghiện xong thì về nhà mẹ đẻ ở xã TH sinh sống, còn chị T1 và con gái của anh chị sinh sống ở xã TH1, huyện TL, tỉnh HN. Anh đã nhiều lần xuống nhà mẹ đẻ chị T1 để đón chị T1 và con gái về nhưng bố mẹ chị T1 ngăn cấm. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T1 nên chị T1 xin ly hôn thì anh không nhất trí, vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nếu chị T1 cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu P1 - sinh ngày 03/4/2001; hiện nay cháu P1 đang sống cùng chị T1. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu P1 để giải quyết về con chung, cháu P1 muốn ở với ai là do cháu tự quyết định.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T1 vẫn giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T2 và có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Thu P1, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Hữu T2. Giao cháu Nguyễn Thị Thu P1 - sinh ngày 03/4/2001 cho chị Lê Thị T1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi; anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lê Thị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị T1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T2 hiện đang cư trú tại xã TH, huyện TL, tỉnh HN; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hôn nhân giữa chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Hữu T2 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh T2 chơi bời, nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị T1 giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh T2 vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung; tuy nhiên nếu chị T1 cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện cuộc sống vợ chồng của chị T1 và anh T2 xảy ra mâu thuẫn là do anh T2 nghiện ma túy, không chăm sóc vợ con; vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm nay (Từ năm 2011 khi anh T2 đi cai nghiện ma túy), nên khả năng đoàn tụ không còn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn

vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T1 xin ly hôn anh T2 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P1 - sinh ngày 03/4/2001. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu P1 đã 17 tuổi, sống ổn định với chị T1 từ khi chị T1 và anh T2 sống ly thân cho đến nay. Hơn nữa, cháu có nguyện vọng được ở với chị T1 nếu anh chị ly hôn. Vì vậy, nên giao cháu P1 cho chị T1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu P1 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Hữu T2 đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Hữu T2.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P1 - sinh ngày 03/4/2001 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Hữu T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.
3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04279 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HN;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã TH, huyện TL, tỉnh HN;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh